

Số: 76/2026/HSPT-QĐ

Hải Phòng, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, bị cáo Trần Đức T đã có Đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2026/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, bị cáo Trần Đức T đã có Đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Xét thấy: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo.

Căn cứ các điều 45, 342 và 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 63/2026/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Đức T, sinh ngày 27/01/2000 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam

Bị Toà án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm và xử phạt: 08 (T1) năm 06 (Sáu) tháng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và 08 (T1) năm 06 (S) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Trần Đức T phải chấp hành hình phạt chung là 17 (Mười bảy) năm tù.

2. Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2026/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 7, thành phố Hải Phòng đối với bị cáo Trần Đức T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7-Hải Phòng;
- TAND khu vực 7-Hải Phòng;
- CQCSĐT, CQTHAHS Công an TP. Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 7-Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Trại TG số 1- CATP Hải Phòng;
- Lưu: HS, HCTP.

THẨM PHÁN

Bùi Đăng Huy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-HS:

(1) và (3) ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự ghi Tòa án quân khu (Tòa án quân sự Quân khu 1).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: 16/2017/HSPT-QĐ).

(4) và (8) ghi tư cách tố tụng của người kháng cáo; nếu là cá nhân thì ghi đầy đủ họ tên của người kháng cáo; nếu pháp nhân thương mại thì ghi tên của pháp nhân thương mại; nếu là Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị.

(5) ghi cụ thể số và ký hiệu Bản án, Quyết định (ví dụ: 168/2017/HSST-QĐ ngày 03 tháng 6 năm 2017).

(6) và (12) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm.

(7) ghi nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(9) nếu là Viện kiểm sát thay đổi, bổ sung kháng nghị thì ghi cụ thể số và ký hiệu của văn bản.

(10) Nếu có một hoặc hai bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị và người kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị đã rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ, tên của bị cáo; nếu có từ ba bị cáo trở lên có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị và người kháng cáo, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị thì ghi họ tên của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và thêm các chữ và các bị cáo khác.

(11) ghi các tội danh của bị cáo được tuyên trong bản án hình sự sơ thẩm.

(13) ghi những nơi mà Tòa án phải giao hoặc gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền; Cơ quan điều tra; Trại tạm giam, Trại giam nơi đang giam giữ bị cáo.